TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày 13 tháng 4 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAm

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn M

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn A

Bà Đỗ Thị Kim T

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc L - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân S - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 7 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Việt H, sinh ngày 16/10/1990; trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Đ, tỉnh V; nghề nghiệp: Công nhân Công ty TNHH Công nghiệp C xác Việt N I; Địa chỉ Công ty: Phường K, thành phố Y, tỉnh V; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc. Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Thanh S và bà Hoàng Thị N; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2022 đến ngày 04/9/2022. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991; địa chỉ: TDP Bầu Mới, Thị trấn H, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

2. Anh Cao M Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Bản Long, xã Q, huyện Đ, tỉnh V, vắng mặt.

3. Anh Lương Quý Đ1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Tiền Phong, xã Nhân Đạo, huyện Sông Lô, tỉnh V, vắng mặt.

4. Anh Đinh Công N, sinh năm 1980; địa chỉ: TDP Tân Tiến, phường Tích S, tHnh phố Y, tỉnh V, vắng mặt.

5. Anh Hoàng Minh Đ2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Chợ Nội, xã TH, huyện BX, tỉnh V, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 3, xã VQ, huyện LT, tỉnh V, vắng mặt.

7. Anh Chu Hải C, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu 1, xã H , huyện H, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

8. Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu C 1, phường L, TP Y, tỉnh V, vắng mặt.

9. Anh Lâm Văn H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm K, phường T, TP Y, tỉnh V, vắng mặt.

10. Anh Nguyễn XA, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Đ, xã TV, huyện T, tỉnh V; vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Văn TH, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện LT, tỉnh V, vắng mặt.

12. Anh Hà Văn K, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện LT, tỉnh V, vắng mặt.

13. Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn V, xã HL, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/8/2022, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh V tiếp nhận tố giác của quần chúng nhân dân nội dung: Tố cáo đối tượng Nguyễn Việt H có Hành vi cho công nhân trong công ty vay tiền với mức lãi suất cao. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh V đã tiến Hành điều tra, kết quả xác định:

Nguyễn Việt H là công nhân Công ty VPIC1 từ năm 2011 đến nay. Quá trình làm việc, H thấy nhiều công nhân trong công ty có nhu cầu vay tiền nên nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao. Từ ngày 01/02/2022 cho đến khi bị Cơ quan điều tra phát hiện hành vi cho vay lãi nặng, Nguyễn Việt H đã cho 13 người là công nhân của Công ty VPIC 1 vay tiền với lãi suất 3.333đ/triệu/ngày tương ứng với mức lãi suất 121,67%/năm. Khi cho vay tiền H cắt trừ luôn số tiền lãi của tháng đầu tiên vào số tiền cho vay. H sử dụng số tài khoản 107004745918 mở tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân Hàng Viettinbank) và cài đặt ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại di động để chuyển khoản số tiền cho vay và nhận tiền đóng lãi hàng tháng của người vay tiền. Sau 01 tháng mà người vay không trả được khoản tiền gốc đã vay thì vào đầu tháng (khoảng từ ngày 03 đến ngày 10) khi Công ty VPIC 1 trả lương tháng cho công nhân thì H sẽ yêu cầu người vay tiền chuyển trước tiền lãi của tháng tiếp theo vào tài khoản của H cho đến khi nào trả được tiền gốc vay. Trường hợp người vay tiền trả tiền gốc vay cho H trước thời hạn 01 tháng thì số tiền mà người vay đã đóng lãi trước của khoản vay sẽ không được trả lại. Cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Văn S: Do đang xây nhà cần thêm tiền để hoàn thiện nên ngày 01/4/2022, anh S vay của H số tiền 20.000.000đ, lãi suất 2.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi cho vay tiền H cắt trừ 2.200.000đ

tiền lãi cho 35 ngày vay (gồm 30 ngày của tháng 04/2022 và 05 ngày của tháng 5/2022), anh S chỉ nhận được số tiền vay là 17.800.000đ. Anh S đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 05/9/2022 với số tiền 10.200.000đ, tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 1.731.507đ; số tiền thu lời bất chính là 8.468.493đ. Hiện tại anh S chưa trả tiền gốc vay cho H.

2. Anh Cao M Đ: Do cần tiền lo công việc cá nhân nên đã vay tiền của H 02 lần:

- Ngày 04/3/2022, anh Đ vay của H số tiền 30.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 3.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, anh Đ chỉ nhận được số tiền vay là 27.000.000đ. Tính đến ngày 04/9/2022, anh Đ đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H với số tiền 18.000.000đ.

- Ngày 09/3/2022, anh Đ tiếp tục vay thêm của H 10.000.000đ, lãi suất 1.000.000đ/tháng. Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, anh Đ chỉ nhận được số tiền vay là 9.000.000đ. Anh Đ đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 09/9/2022 với số tiền 6.000.000đ.

Đối với 2 khoản vay trên của anh Đ số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 4.032.876đ; số tiền H thu lời bất chính là 19.967.124đ. Hiện tại anh Đ chưa trả tiền gốc vay cho H.

3. Anh Lương Quí Đ1, vay tiền của H 02 lần:

- Ngày 11/4/2022, anh Đ1 vay của H số tiền 20.000.000đ, lãi suất 2.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 2.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, anh Đ1 chỉ nhận được số tiền vay là 18.000.000đ. Ngày 18/4/2022, anh Đ1 đã chuyển trả cho H số tiền 20.000.000đ, mặc dù mới chỉ vay 08 ngày tuy nhiên khi anh Đ1 trả tiền H không trả lại tiền lãi mà vẫn thu đủ 2.000.000đ, tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 87.671đ; số tiền thu lời bất chính là 1.912.329đ.

- Ngày 07/5/2022, anh Đ1 tiếp tục vay H số tiền 20.000.000đ, lãi suất 2.000.000đ/tháng. Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 2.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, anh Đ1 chỉ nhận được số tiền vay là 18.000.000đ. Anh Đ1 đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 07/9/2022 với số tiền 8.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 1.347.945đ; số tiền H thu lời bất chính là 6.652.055đ. Hiện tại anh Đ1 chưa trả tiền gốc cho H.

4. Anh Đinh Công N: Do cần tiền để lo việc cá nhân nên ngày 05/8/2022 anh N vay của H số tiền 35.000.000đ, lãi suất 3.500.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi chuyển tiền cho vay H trừ luôn số tiền 3.500.000đ của tháng lãi đầu tiên, anh N chỉ nhận được 31.500.000đ. Anh N đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 05/9/2022 với số tiền là 3.500.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 594.520đ; số tiền H thu lời bất chính là 2.905.480đ. Hiện tại anh N chưa trả tiền gốc cho H.

5. Anh Hoàng Minh Đ2: Do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, ngày 05/8/2022 anh Đ2 vay của H số tiền 20.000.000đ, lãi suất 2.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 2.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, anh Đ2 chỉ nhận được số tiền vay là 18.000.000đ. Anh Đ2 đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 05/9/2022 với số tiền là 2.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 339.726đ; số tiền H thu lời bất chính là 1.660.274đ. Hiện tại anh Đ2 chưa trả tiền gốc cho H.

6. Anh Nguyễn Đức M: Do cần tiền lo công việc cá nhân nên ngày 07/8/2022 anh M vay của H số tiền 10.000.000đ, lãi suất 1.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm) và để lại cho H 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 - 426.52 mang tên Nguyễn Đức M. Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, anh M chỉ nhận được số tiền vay 9.000.000đ. Anh M đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 07/9/2022 với số tiền 1.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 169.863đ; số tiền H thu lời bất chính là 830.137đ. Hiện tại anh M chưa trả tiền gốc cho H.

Ngày 22/10/2022 Nguyễn Việt H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 - 426.52.

7. Anh Chu Hải C, ngày 08/8/2022, anh C vay của H số tiền 10.000.000đ, lãi suất 1.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên, anh C chỉ nhận được số tiền vay 9.000.000đ. Anh C đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 08/9/2022 với số tiền là 1.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 169.863đ; số tiền H thu lời bất chính là 830.137đ. Hiện tại anh C chưa trả tiền gốc cho H.

8. Anh Bùi Văn T1, ngày 08/8/2022, anh T1 vay của H số tiền 10.000.000đ, lãi suất 1.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi cho vay H đã cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên, anh T1 chỉ nhận được số tiền vay 9.000.000đ. Anh T1 đã nộp tiền lãi cho khoản vay trên cho H đến ngày 08/9/2022 với số tiền 1.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 169.863đ; số tiền H thu lời bất chính là 830.137đ. Hiện tại anh T1 chưa trả tiền gốc cho H.

9. Anh Lâm Văn H1, ngày 10/8/2022 anh H1 vay của H số tiền 10.000.000đ, lãi suất 1.000.000đ/ tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi cho vay tiền H đã cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên, anh H1 chỉ nhận được số tiền vay 9.000.000đ. Anh H1 đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 10/9/2022 với số tiền 1.000.000đ, tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 169.863đ; số tiền H thu lời bất chính là 830.137đ. Hiện tại anh H1 chưa trả tiền gốc cho H.

10. Anh Nguyễn XA, ngày 18/8/2022, anh Nguyễn XA vay của H số tiền 30.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm).

Khi chuyển tiền vay H cắt trừ luôn 3.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên, anh Nguyễn XA chỉ nhận được số tiền vay 27.000.000đ. Anh Nguyễn XA đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 18/9/2022 với số tiền 3.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 509.589đ; số tiền H thu lời bất chính là 2.490.411đ**.** Hiện tại anh Nguyễn XA chưa trả tiền gốc cho H.

11. Anh Nguyễn Văn TH: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 06/5/2022, anh TH vay của H số tiền 10.000.000đ, lãi suất 1.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi chuyển tiền vay H đã cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi, anh TH chỉ nhận được số tiền vay 9.000.000đ. Anh H đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 06/9/2022 với số tiền 4.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 673.973đ; số tiền H thu lời bất chính là 3.326.027đ**.** Hiện tại anh TH chưa trả tiền gốc cho H.

12. Anh Hà Văn K: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 07/6/2022, anh K vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất 1.000.000đ/1 tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi chuyển tiền vay H cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, anh K chỉ nhận được số tiền vay là 9.000.000đ. Anh K đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 07/9/2022 với số tiền 3.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 504.110đ; số tiền H thu lời bất chính là 2.495.890đ. Hiện tại anh K chưa trả tiền gốc cho H.

13. Anh Phạm Văn T2: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 17/6/2022, anh T2 vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất 1.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 121,67%/năm). Khi chuyển tiền vay H cắt trừ luôn 1.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên, anh T2 chỉ nhận được số tiền vay là 9.000.000đ. Anh T2 đã nộp tiền lãi của khoản vay trên cho H đến ngày 17/9/2022 với số tiền 3.000.000đ; tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm là 504.110đ; số tiền H thu lời bất chính là 2.495.890đ**.** Hiện tại anh T2 chưa trả tiền gốc cho H.

Như vậy tổng số tiền H đã cho vay lãi nặng đối với những người liên quan với mức lãi suất 121,67%/năm là 255.000.000đ, H đã thu tổng số tiền lãi là 66.700.000đ, trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật là 11.005.479đ (20%/1 năm theo lãi suất quy định tại Điều 468 - BLDS), tổng số tiền lãi thu lời bất chính là 55.694.521đ (tiền lãi trên 20%/1 năm).

Ngoài các trường hợp vay tiền với mức lãi suất cao như nêu trên, căn cứ vào sao kê tài khoản ngân hàng số 107004745918 của Nguyễn Việt H, Cơ quan điều tra còn xác định H còn cho 15 người khác đều là công nhân của Công ty VPIC 1 vay tiền với tổng số tiền 208.000.000đ. Tuy nhiên trong số những người vay này có người H không tính lãi, có người H tính lãi nhưng mức lãi suất đều dưới 100%/năm là các giao dịch dân sự hợp pháp do vậy không đề cập xử lý, cụ thể:

- Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1983, trú tại: Xã T, huyện T, tỉnh V vay của H số tiền là 4.500.000đ, không tính lãi.

- Anh Bùi Công Q, sinh năm 1991, trú tại: Phường K, thành phố Y, tỉnh V vay của H số tiền 10.000.000đ, không tính lãi.

- Anh Hà Quang D, sinh năm 1989, trú tại: Xã NS, huyện SL, tỉnh V vay của H số tiền là 9.000.000đ, không tính lãi.

- Anh Đào Văn B, sinh năm 1986, trú tại: Thị trấn Tam S, huyện SL, tỉnh V vay số tiền 22.500.000đ, không tính lãi.

- Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1999, trú tại: Phường N, thành phố T, tỉnh TQ vay số tiền là 12.000.000, không tính lãi.

- Anh Chu Văn G, sinh năm 1986, trú tại: Xã T, huyện V, tỉnh V vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất 100.000đ/tháng (tương đương lãi suất 12,17%/năm).

- Anh Trần Quốc A (tên gọi khác là C), sinh năm 1989, trú tại: Xã Quang S, huyện LT, tỉnh V vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất 400.000đ/tháng (tương đương mức lãi 48,67%/năm).

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú tại: Xã T, huyện SD, tỉnh TQ vay của H số tiền 30.000.000đ, mức lãi suất 300.000đ/tháng (tương đương lãi suất 12,17%/năm).

- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1997, trú tại: Phường Đ, thành phố Y, tỉnh V vay của H số tiền 20.000.000đ, mức lãi suất 200.000đ/tháng (tương đương lãi suất 12,17%/năm).

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990, trú tại: Xã Đ, huyện YL, tỉnh V vay của H số tiền 20.000.000đ, mức lãi suất 200.000đ/tháng (tương đương lãi suất 12,17%/năm).

- Anh Phùng Văn T, sinh năm 1980, trú tại: Phường Đ, thành phố Y, V vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất 400.000đ/tháng (tương đương lãi suất 48,67%/năm).

- Anh Lê Thanh L, sinh năm 1995, trú tại: Thị trấn Đ, huyện BX, tỉnh V vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất là 100.000đ/tháng (tương đương lãi suất 12,17%/năm).

- Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1988, trú tại: Phường K, thành Y, tỉnh V vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất 100.000đ/tháng (tương đương mức lãi 12,17%/năm).

- Anh Vũ Văn C, sinh năm 1991, trú tại: Xã T, huyện VT, tỉnh V vay của H số tiền 20.000.000đ, mức lãi suất 200.000đ/tháng (tương đương lãi suất 12,17%/năm).

- Anh Khổng Văn S, sinh năm 1995, trú tại: Xã Y, huyện SL, tỉnh V vay của H số tiền 10.000.000đ, mức lãi suất 100.000đ/tháng (tương đương lãi suất 12,17%/năm).

Đối với chiếc điện thoại di động có cài đặt ứng dụng chuyển tiền của ngân hàng, theo H khai là điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, ngày

27/8/2022 H đi ăn cỗ trên đường đi về nhà bị rơi mất, cụ thể rơi chỗ nào không biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 22/10/2022 Nguyễn Việt H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 - 426.52.

Quá trình điều tra bị cáo H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số: 20/CT-VKS-P1ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã truy tố Nguyễn Việt H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V, sau khi xét hỏi đã luận tội đối với bị cáo Nguyễn Việt H, giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Đối với số tiền 55.694.521đ là tiền Nguyễn Việt H thu lời bất chính từ việc cho 13 người vay lãi nặng cần buộc H trả lại cho các người liên quan, cụ thể: Anh Nguyễn Văn S 8.468.493đ, anh Cao Mạnh Đ 19.967.124đ, anh Lương Quý Đ1 8.564.384đ, anh Đinh Công N 2.905.480đ, anh Hoàng Minh Đ2 1.660.274đ, anh Nguyễn Đức M 830.137đ, anh Chu Hải C 830.137đ, anh Bùi Văn T1 830.137đ, anh Lâm Văn H1 830.137đ, anh Nguyễn XA 2.490.411đ, anh Nguyễn Văn TH 3.326.027đ, anh Hà Văn K 2.495.890đ và anh Phạm Văn T2 2.495.890đ.

- Buộc Nguyễn Việt H phải nộp lại số tiền gốc 20.000.000đ đã thu của anh Lương Quý Đ1 và số tiền tiền lãi H đã thu của những người liên quan theo quy định với mức 20% năm là 11.005.479đ, tổng là 31.005.479đ để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu để tịch thu sung quỹ NH nước số tiền 235.000.000đ, là tiền vay gốc của 13 người chưa trả Nguyễn Việt H, cụ thể: Anh Nguyễn Văn S 20.000.000đ, anh Cao M Đ 40.000.000đ, anh Lương Quý Đ1 20.000.000đ, anh Đinh Công N 35.000.000đ, anh Hoàng Minh Đ2 20.000.000đ, anh Nguyễn Đ2 M 10.000.000đ, anh Chu Hải C 10.000.000đ, anh Bùi Văn T1 10.000.000đ, anh Lâm Văn H1 10.000.000đ, anh Nguyễn XA 30.000.000đ, anh Nguyễn Văn TH 10.000.000đ, anh Hà Văn K 10.000.000đ và anh Phạm Văn T2 10.000.000đ.

- Trả lại cho anh Nguyễn Đức M 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 - 426.52.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã truy tố và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên Công an tỉnh V; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/8/2022, bị cáo Nguyễn Việt H đã cho 13 người là công nhân của Công ty VPIC 1 vay với tổng số tiền là 255.000.000đ với lãi suất 3.333đ/triệu/ngày (tương đương 121,67%/năm), tổng số tiền lãi H thu của 13 người vay là 66.700.000đ, trong đó tiền thu lãi tối đa (20%/năm) theo quy định của BLDS là 11.005.479đ, tiền thu lời bất chính là 55.694.521đ.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Việt H đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của NH nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương ứng với Hnh vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét về nhân thân, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này Nguyễn Việt H đã cho 13 người là công nhân của Công ty VPIC 1 vay với tổng số tiền là 255.000.000đ với lãi suất 3.333đ/triệu/ngày (tương đương 121,67%/năm), tổng số tiền lãi Nguyễn Việt H thu của 13 người vay là 66.700.000đ, trong đó tiền thu lãi tối đa (20%/năm) theo quy định của Bộ luật dân sự là 11.005.479đ, tiền thu lời bất chính là 55.694.521đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý thỏa đáng, cân xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên để quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đó là: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về xử lý đối với các khoản tiền, vật chứng liên quan trong vụ án:

- Đối với số tiền 55.694.521đ là tiền Nguyễn Việt H thu lời bất chính từ việc cho 13 người vay lãi nặng cần buộc H trả lại cho các người liên quan, cụ thể: Anh Nguyễn Văn S 8.468.493đ, anh Cao Mạnh Đ 19.967.124đ, anh Lương Quý Đ1 8.564.384đ, anh Đinh Công N 2.905.480đ, anh Hoàng Minh Đ2 1.660.274đ, anh Nguyễn Đức M 830.137đ, anh Chu Hải C 830.137đ, anh Bùi Văn T1 830.137đ, anh Lâm Văn H1 830.137đ, anh Nguyễn XA 2.490.411đ, anh Nguyễn Văn TH 3.326.027đ, anh Hà Văn K 2.495.890đ và anh Phạm Văn T2 2.495.890đ.

- Buộc Nguyễn Việt H phải nộp lại số tiền gốc 20.000.000đ đã thu của anh Lương Quý Đ1 và số tiền tiền lãi H đã thu của những người liên quan theo quy định với mức 20% năm là 11.005.479đ, tổng là 31.005.479đ để sung quỹ nhà nước.

- Cần truy thu để tịch thu số tiền vay gốc của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo Nguyễn Việt H để sung quỹ nhà nước, cụ thể truy thu của: Anh Nguyễn Văn S 20.000.000đ, anh Cao Mạnh Đ 40.000.000đ, anh Lương Quý Đ1 20.000.000đ, anh Đinh Công N 35.000.000đ, anh Hoàng Minh Đ2 20.000.000đ, anh Nguyễn Đức M 10.000.000đ, anh Chu Hải C 10.000.000đ, anh Bùi Văn T1 10.000.000đ, anh Lâm Văn H1 10.000.000đ, anh Nguyễn XA 30.000.000đ, anh Nguyễn Văn TH 10.000.000đ, anh Hà Văn K 10.000.000đ và anh Phạm Văn T2 10.000.000đ.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 - 426.52 của Nguyễn Đức M không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại anh M.

Đối với chiếc điện thoại di động có cài đặt ứng dụng chuyển tiền của ngân hàng, theo H khai là điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, ngày 27/8/2022 bị cáo đi ăn cỗ trên đường đi về nhà bị rơi mất, cụ thể rơi chỗ nào không biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Việt H, phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Việt H 90.000.000đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Truy thu sung quỹ NH nước của Nguyễn Việt H 20.000.000đ (là số tiền Nguyễn Việt H đã thu của anh Lương Quý Đ1) và số tiền 11.005.479đ (làm tròn 11.005.000đ) là số tiền lãi tương ứng với mức 20%/ năm mà H đã thu của những người vay H).

- Buộc Nguyễn Việt H trả lại cho 13 người vay số tiền 55.694.521đ (là tiền thu lời bất chính vượt quá mức 20% năm mà H đã thu của những người vay tiền H). Cụ thể H phải trả cho: Anh Nguyễn Văn S 8.468.493đ, anh Cao Mạnh Đ 19.967.124đ, anh Lương Quý Đ1 8.564.384đ, anh Đinh Công N 2.905.480đ, anh Hoàng Minh Đ2 1.660.274đ, anh Nguyễn Đức M 830.137đ, anh Chu Hải C 830.137đ, anh Bùi Văn T1 830.137đ, anh Lâm Văn H1 830.137đ, anh Nguyễn XA 2.490.411đ làm tròn, anh Nguyễn Văn TH 3.326.027đ, anh Hà Văn K 2.495.890đ và anh Phạm Văn T2 2.495.890đ.

- Truy thu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Nguyễn Việt H) để sung quỹ NH nước, cụ thể: Anh Nguyễn Văn S 20.000.000đ, anh Cao Mạnh Đ 40.000.000đ, anh Lương Quý Đ1 20.000.000đ, anh Đinh Công N 35.000.000đ, anh Hoàng Minh Đ2 20.000.000đ, anh Nguyễn Đức M 10.000.000đ, anh Chu Hải C 10.000.000đ, anh Bùi Văn T1 10.000.000đ, anh Lâm Văn H1 10.000.000đ, anh Nguyễn XA 30.000.000đ, anh Nguyễn Văn TH 10.000.000đ, anh Hà Văn K 10.000.000đ và anh Phạm Văn T2 10.000.000đ.

- Trả lại cho anh Nguyễn Đức M 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 – 426.52.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Việt H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Công an tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + Toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Văn M

- Truy thu sung quỹ NH nước của Nguyễn Việt H 20.000.000đ (là số tiền Nguyễn Việt H đã thu của anh Lương Quý Đ1) và số tiền 11.005.479đ (làm tròn 11.005.000đ) - là số tiền lãi tương ứng với mức 20%/ năm mà H đã thu của những người vay H).

- Buộc Nguyễn Việt H trả lại cho 13 người vay số tiền 55.694.521đ làm tròn 55.695.000đ (là tiền thu lời bất C vượt quá mức 20% năm mà H đã thu của những người vay tiền H), cụ thể: Anh Nguyễn Văn S 8.468.493đ (làm tròn *8.468.000đ*), anh Cao M Đ 19.967.124đ (làm tròn *19.968.000đ)*, anh Lương Quý Đ1 8.564.384đ làm tròn *8.564.000đ*, anh Đinh Công N 2.905.480đ làm tròn *2.905.000đ*, anh Hoàng Minh Đ2 1.660.274đ làm tròn *1.660.000đ*, anh Nguyễn Đ2 M 830.137đ làm tròn *830.000đ*, anh Chu Hải C 830.137đ, làm tròn *830.000đ*, anh Bùi Văn T1 830.137đ làm tròn *830.000đ*, anh Lâm Văn H1 830.137đ làm tròn *830.000đ*, anh Nguyễn XA 2.490.411đ làm tròn *2.491.000đ*, anh Nguyễn Văn TH 3.326.027đ làm

tròn *3.327.000đ*, anh H Văn K 2.495.890đ làm tròn *2.496.000đ* và anh Phạm Văn T2 2.495.890đ làm tròn *2.496.000đ.*

- Truy thu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Nguyễn Việt H để sung quỹ NH nước, cụ thể: Anh Nguyễn Văn S 20.000.000đ, anh Cao M Đ 40.000.000đ, anh Lương Quý Đ1 20.000.000đ, anh Đinh Công N 35.000.000đ, anh Hoàng Minh Đ2 20.000.000đ, anh Nguyễn Đ2 M 10.000.000đ, anh Chu Hải C 10.000.000đ, anh Bùi Văn T1 10.000.000đ, anh Lâm Văn H1 10.000.000đ, anh Nguyễn XA 30.000.000đ, anh Nguyễn Văn TH 10.000.000đ, anh H Văn K 10.000.000đ và anh Phạm Văn T2 10.000.000đ.

- Trả lại cho anh Nguyễn Đ2 M 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 – 426.52.

Kể từ ngày người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án, số tiền nêu trên người phải thi Hnh án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi Hnh án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi Hnh án dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Việt H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Công an tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + Toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn M

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Thúy **Nguyễn Văn An**

Vũ Văn M

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Thanh